

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2.054.307.529.845	2.314.574.077.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	213.526.744.416	265.372.942.880
1. Tiền		111		213.526.744.416	166.247.322.880
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	99.125.620.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		553.402.197.059	640.963.654.551
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	647.719.598.964	793.653.196.515
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	V.3	(94.317.401.905)	(152.689.541.964)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1.198.723.920.821	1.281.496.916.610
1. Phải thu khách hàng		131	V.4	335.587.013.997	384.475.183.118
2. Trả trước cho người bán		132	V.5	41.734.259.911	136.464.182.973
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.6	833.231.706.234	761.386.609.842
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.7	(11.829.059.322)	(829.059.322)
IV. Hàng tồn kho		140		21.202.316.869	50.843.895.486
1. Hàng tồn kho		141	V.8	21.202.316.869	50.843.895.486
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		67.452.350.680	75.896.667.616
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	21.790.002.045	18.827.902.103
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		4.940.137.084	967.321.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.10	979.093.035	9.960.652.399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.11	39.743.118.516	46.140.792.061



TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.025.323.168.351	2.963.921.452.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		554.181.254.680	705.038.470.578
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	500.950.245.849	650.141.953.343
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.016.943.519.933	1.189.463.980.515
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(515.993.274.084)	(539.322.027.172)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	13.171.057.311	14.115.485.352
	<i>Nguyên giá</i>	228		17.492.719.327	17.494.143.335
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.321.662.016)	(3.378.657.983)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	40.059.951.520	40.781.031.883
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.16	230.283.064.850	239.202.151.988
	<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(49.165.374.945)	(40.246.287.807)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.161.097.548.816	1.936.068.379.102
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.17	1.290.513.022.752	942.636.944.122
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	807.526.222.779	700.718.067.779
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	237.895.943.094	410.286.571.094
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(174.837.639.809)	(117.573.203.893)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		42.761.300.005	46.612.450.367
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		12.152.885	3.833.803.247
2.	Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.21	42.749.147.120	42.778.647.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		5.079.630.698.196	5.278.495.529.178

12/2012
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 LIÊN
 KẾT
 HỢP
 TP. HCM

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.216.808.106.797	1.416.171.821.738
I. Nợ ngắn hạn		310		740.090.673.634	1.146.721.968.117
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.22	284.195.685.046	512.436.104.324
2. Phải trả người bán		312	V.23	131.594.435.811	144.304.921.328
3. Người mua trả tiền trước		313	V.24	39.627.016.118	21.172.333.363
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.25	5.582.888.075	5.114.494.932
5. Phải trả người lao động		315	V.26	3.889.328.188	9.939.966.152
6. Chi phí phải trả		316	V.27	16.449.416.936	15.561.023.142
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.28	256.968.689.246	426.458.441.889
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		1.783.214.214	3.106.407.889
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.29	-	8.628.275.098
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		476.717.433.163	269.449.853.621
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.30	20.731.718.877	17.887.072.335
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.31	455.985.714.286	251.562.781.286
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		3.862.822.591.399	3.862.323.707.440
I. Vốn chủ sở hữu		410		3.862.822.591.399	3.862.323.707.440
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.32	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.32	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.32	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-

7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.32	29.429.404.912	29.429.404.912
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.32	26.315.340.005	26.315.340.005
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.32	171.741.899.180	171.243.015.221
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		5.079.630.698.196	5.278.495.529.178

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2012



Trương Như Nguyễn
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 03 NĂM 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
QUÝ 03 năm 2012**

	Chỉ tiêu	Quý 03		Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	296.715.010.981	394.978.882.405	957.831.301.803	1.071.712.885.714
2	Các khoản giảm trừ				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	296.715.010.981	394.978.882.405	957.831.301.803	1.071.712.885.714
4	Giá vốn hàng bán	265.182.903.161	382.951.049.095	925.507.009.503	1.031.547.561.214
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	31.532.107.820	12.027.833.310	32.324.292.300	40.165.324.500
6	Doanh thu hoạt động tài chính	28.865.394.998	47.468.490.675	158.386.213.957	193.615.718.104
7	Chi phí tài chính	37.839.331.052	31.409.681.816	131.151.410.124	196.184.072.293
	Trong đó :		-		
	- Chi phí lãi vay	15.694.015.760	18.732.451.878	55.554.668.428	51.687.809.518
8	Chi phí bán hàng	1.188.147.528	1.516.362.587	3.351.422.472	3.760.958.585
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.136.301.360	19.136.338.773	66.201.581.189	48.796.721.459
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.233.722.878	7.433.940.810	(9.993.907.527)	(14.960.709.733)
11	Thu nhập khác	10.445.666.407	4.075.347.201	136.472.034.366	32.061.669.058
12	Chi phí khác	2.547.727.976	925.105.642	109.031.754.879	11.763.951.827
13	Lợi nhuận khác	7.897.938.431	3.150.241.559	27.440.279.487	20.297.717.231
14	Lợi nhuận trước thuế	11.131.661.309	10.584.182.368	17.446.371.960	5.337.007.498
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			11.279.103.001	3.958.232.868
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.131.661.309	10.584.182.368	6.167.268.959	1.378.774.630

T.p Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2012

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.446.371.960	5.337.007.498
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	69.593.246.931	68.666.971.958
- Các khoản dự phòng	03	9.892.295.857	101.053.472.695
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(15.920.701.209)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(168.604.068.805)	(137.175.180.473)
- Chi phí lãi vay	06	55.554.668.428	51.687.809.518
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.117.485.629)	73.649.379.986
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	168.972.596.359	(114.910.489.328)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	29.641.578.617	(12.102.040.646)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(107.266.976.884)	131.270.725.552
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	859.550.420	(25.140.167.070)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(55.222.669.516)	(51.718.428.637)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.217.300.808)	(3.474.812.140)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	21.082.706.143	87.992.776.728
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(20.432.916.132)	(20.391.292.976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.299.082.570	65.175.651.470
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.391.617.777)	(94.395.662.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	119.304.133.343	36.125.001.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	203.905.753.859	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(457.056.078.630)	(274.251.119.027)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	2.371.845.000	2.132.190.132
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	164.626.041.249	109.551.069.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.760.077.044	(220.838.519.553)



9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	821.523.433.204	760.449.028.148
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(845.340.919.482)	(400.260.537.489)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(5.171.816.007)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(65.087.871.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(88.905.358.078)	355.016.674.652
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(51.846.198.463)	199.353.806.569
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	265.372.942.880	261.855.538.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	3.773.928.606
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	213.526.744.416	464.983.273.785

T.p Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2012


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trái dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không,...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 3 bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguồn vốn kinh doanh***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/9/2012 : 20.828 VND/USD

19. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.242.075.981	3.464.418.490
Tiền gửi ngân hàng	207.803.443.285	162.358.701.307
Tiền đang chuyển	3.481.225.150	424.203.083
Các khoản tương đương tiền ^(*)	-	99.125.620.000
Cộng	213.526.744.416	265.372.942.880

^(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.**2. Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	162.367.055.330	249.721.867.626
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	2.952.543.634	61.531.328.889
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	2.952.543.634	29.239.045.500
- Các khoản cho vay		32.292.283.389
Cộng	647.719.598.964	793.653.196.515

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm 152.689.541.964

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hoàn nhập dự phòng	(58.372.140.059)	
Số cuối kỳ	94.317.401.905	
4. Phải thu khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	333.323.504.228	376.062.337.992
Dịch vụ cho thuê tài sản	2.263.509.769	8.412.845.126
Cộng	335.587.013.997	384.475.183.118
Các khoản phải thu được dùng để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND (xem thuyết minh V.22).		
5. Trả trước cho người bán		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	-	42.465.592.210
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	62.298.411.025
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bông Sen Vàng	28.130.000.000	28.130.000.000
Các nhà cung cấp khác	13.604.259.911	3.570.179.738
Cộng	41.734.259.911	136.464.182.973
6. Các khoản phải thu khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	17.231.053.548	26.327.524.193
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.200.000.000	3.300.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	666.367.566.686	560.928.792.442
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	82.750.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ	189.040.431.818	112.195.967.663
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	31.704.595.317	20.255.821.307
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn	55.900.000.000	55.900.000.000
- Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M	-	18.946.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn	131.541.866.147	16.074.955.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền cho mượn, chi hộ	-	8.986.272.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	1.828.509.968	1.156.734.311
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	213.587.914.987	244.055.334.635
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	7.764.248.449	607.707.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.828.265.072	90.805.100.312

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	-	26.733.065.975
Các khoản phải thu khác	52.604.820.928	53.292.126.920
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.478.250.340	4.617.553.940
- Các khoản phải thu khác	48.126.570.588	48.674.572.980
Cộng	53.323.070.928	761.386.609.842
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	829.059.322	829.059.322
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	11.000.000.000	-
Cộng	11.829.059.322	829.059.322
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
Số đầu năm	829.059.322	
Trích lập dự phòng bổ sung	11.000.000.000	
Số cuối kỳ	11.829.059.322	
8. Hàng tồn kho		
Nhiên liệu tồn trên tàu.		
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tàu	2.194.789.035	12.853.503.270
Chi phí bảo hiểm	3.447.387.744	1.601.124.296
Chi phí thuê tàu	13.466.040.000	-
Công cụ, dụng cụ	1.489.792.724	2.398.453.034
Chi phí khác	1.191.992.542	1.974.821.503
Cộng	21.790.002.045	18.827.902.103
10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	979.093.035	9.960.652.399
Cộng	979.093.035	9.960.652.399
11. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	30.391.593.334	26.137.182.904
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.351.525.182	20.003.609.157
Cộng	39.743.118.516	46.140.792.061
12. Phải thu dài hạn khác		
Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ do quyền sử dụng được cấp vĩnh viễn.

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	66.191.510.150	130.198.672.581	981.505.938.880	11.567.858.904	1.189.463.980.515
Mua sắm mới		178.936.000	884.884.045	1.099.241.732	2.163.061.777
Thanh lý, nhượng bán	(8.300.975.537)	(1.620.962.256)	(164.723.391.580)	(38.192.986)	(174.683.522.359)
Số cuối kỳ	57.890.534.613	128.756.646.325	817.667.431.345	12.628.907.650	1.016.943.519.933
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.381.581.789	106.218.721.242	392.612.940.469	10.108.783.672	539.322.027.172
Khấu hao trong kỳ	940.762.890	8.575.220.282	49.570.574.345	643.174.235	59.729.731.752
Thanh lý, nhượng bán	(6.689.409.493)	(928.332.072)	(75.402.550.289)	(38.192.986)	(83.058.484.840)
Số cuối kỳ	24.632.935.186	113.865.609.452	366.780.964.525	10.713.764.921	515.993.274.084
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.809.928.361	23.979.951.339	588.892.998.411	1.459.075.232	650.141.953.343
Số cuối kỳ	33.257.599.427	14.891.036.873	450.886.466.820	1.915.142.729	500.950.245.849

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	10.141.659.925	17.494.143.335
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối kỳ	7.352.483.410	10.140.235.917	17.492.719.327
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	313.076.907	313.076.907
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	3.378.657.983	3.378.657.983
Khấu hao trong kỳ	-	944.428.041	944.428.041
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424.008)	(1.424.008)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Số cuối kỳ	-	4.321.662.016	4.321.662.016
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	6.763.001.942	14.115.485.352
Số cuối kỳ	7.352.483.410	5.818.573.901	13.171.057.311

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	33.259.425.964	2.338.540.268	(2.109.984.268)	(949.636.363)	32.538.345.601
XDCB dở dang	7.521.605.919		-	-	7.521.605.919
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091		-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173		-	-	3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655		-	-	1.168.682.655
Cộng	40.781.031.883	2.338.540.268	(2.109.984.268)	(949.636.363)	40.059.951.520

Tài sản đang xây dựng dở dang và chưa đưa vào sử dụng có giá trị là 31.799.789.600 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988
Tăng trong kỳ	-	8.919.087.138	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	49.165.374.945	230.283.064.850

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

Thu nhập từ việc cho thuê	64.363.549.715	69.254.475.538
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	21.181.338.667	21.648.223.559
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

17. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	78,60	78,60	39.780.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadep (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Gemadep (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadep	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadep	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadep	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Từ Chúa ^(a)	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ^(b)	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,52	2.162.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vì Tín	100,00	50,00	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	100,00	7,28	43.655.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	100,00	100,00	301.331.078.630
Cộng			1.290.513.022.752

^(a) Công ty cổ phần Gemadep góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Từ Chúa với tỷ lệ 5% và Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M, Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần Gemadep, góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Từ Chúa với tỷ lệ 50%.

^(b) Công ty cổ phần Gemadep nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadep trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào	29,00	29,00	32.206.940.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ^(*)	41,67	41,67	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	40,00	16,6	43.478.595.636
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	35,00	35,00	105.000.000.000
Cộng			807.526.222.779

- (*) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này cho một đối tác khác trong năm 2012. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25%.

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	171.884.041.600	203.374.669.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	66.011.901.494	66.011.901.494
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm	-	140.900.000.000
Cộng	237.895.943.094	410.286.571.094

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	46.770.266.880	34.175.795.640
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	85.416.694.525	57.608.649.841
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	38.683.023.836	22.035.158.242
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	3.967.654.568	3.753.600.170
Cộng	174.837.639.809	117.573.203.893

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	117.573.203.893
Trích lập dự phòng bổ sung	57.264.435.916
Số cuối kỳ	174.837.639.809

21. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	833.120.000
Ký quỹ thuê tàu	41.220.000.000	41.656.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư	417.400.000	-
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	287.347.120	289.527.120
Cộng	42.749.147.120	42.778.647.120

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	164.477.977.423	466.251.818.610
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	93.064.434.945
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	113.745.827.416	188.478.630.148
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	35.479.672.718	44.713.351.517
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển - Chi nhánh Sở giao dịch 2	15.252.477.289	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh	-	139.995.402.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	103.851.451.182	5.750.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(c)	98.101.451.182	-
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội ^(d)	5.750.000.000	5.750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.866.256.441	40.434.285.714
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	6.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	8.720.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	9.866.256.441	19.714.285.714
Cộng	284.195.685.046	512.436.104.324

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất quy định trên hợp đồng.
- (d) Khoản vay Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội để bổ sung vốn kinh doanh.

23. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	5.789.480.716	5.370.900.242
- Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	-	2.873.246.752
- Công ty TNHH cảng Phước Long	4.763.634.648	819.512.573
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	748.262.322	216.969.079
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	117.250.150	338.119.840
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	149.830.500	60.455.908
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	1.034.466.807
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	10.503.096	28.129.283
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	125.804.955.095	138.934.021.086
Cộng	131.594.435.811	144.304.921.328

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	23.910.419.416	19.000.419.416
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	15.716.596.702	2.171.913.947
Cộng	39.627.016.118	21.172.333.363

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.582.888.075	5.114.494.932
Cộng	5.582.888.075	5.114.494.932

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%

Trong kỳ, thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty bị lỗ nên chưa phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Riêng thuế thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản dự tính phải nộp là **10.880.313.034 VND** và không được bù trừ vào lỗ của hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ chưa bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho hoạt động đầu tư tại Singapore, Malaysia và Campuchia.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	8.938.845.433	8.606.846.521
Chi phí bốc xếp, lưu kho	5.858.920.336	4.946.206.266
Chi phí khác	1.651.651.167	2.007.970.355
Cộng	16.449.416.936	15.561.023.142

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	557.013.241	750.863.241
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.847.805.172	1.096.110.484
Cổ tức phải trả	645.759.800	60.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.354.291.831	2.653.410.161
Doanh thu chưa thực hiện	13.340.175.772	2.766.834.580
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	6.545.754.429	31.121.216.700
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	212.874.737.338	289.207.472.218
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn	120.853.141.332	120.853.141.332
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	20.811.560.963	34.701.883.766
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept - tiền mượn	10.227.370.790	33.227.370.790
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền mượn	43.059.103.410	69.730.697.870
- Công ty TNHH cảng Phước Long - tiền mượn	1.181.168.070	15.157.572.116
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn	10.293.585.975	10.293.585.975

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	4.800.000.000	-
- Grand Pacific Shipping	146.191.129	2.473.470.796
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.502.615.669	2.769.749.573
Các khoản phải trả khác	18.086.909.754	37.081.045.996
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	27.200.000.000
- Ông Nguyễn Quốc Cường - tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	8.822.231.177	616.367.419
Cộng	256.968.689.246	426.458.441.889

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	8.628.275.098
Chi quỹ trong kỳ	8.628.275.098
Số cuối kỳ	-

30. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

31. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	247.285.714.286	251.562.759.286
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	4.277.045.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	187.285.714.286	187.285.714.286
Trái phiếu chuyển đổi	-	22.000
Trái phiếu nợ	208.700.000.000	-
Cộng	455.985.714.286	251.562.781.286

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

^(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

32. Vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	29.429.404.912	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.315.340.005	26.315.340.005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	171.741.899.180	171.243.015.221

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	109.447.309	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	893.467.752.088	1.002.458.410.176
Doanh thu cho thuê văn phòng	64.363.549.715	69.254.475.538
Cộng	957.831.301.803	1.071.712.885.714

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	904.325.670.836	1.009.899.337.655
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	21.181.338.667	21.648.223.559
Cộng	925.507.009.503	1.031.547.561.214

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.134.494.303	25.694.760.657
Lãi đầu tư chứng khoán	8.242.400.489	9.094.191.280
Lãi góp vốn liên doanh, liên kết, cổ tức và lợi nhuận được chia	128.732.289.014	104.835.273.523
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.834.838.541	47.518.317.586
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.442.191.610	6.473.175.058
Cộng	158.386.213.957	193.615.718.104
4. Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	55.554.668.428	51.687.809.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.345.303.233	32.987.039.160
Lỗ đầu tư chứng khoán	4.895.573.008	10.455.750.920
Dự phòng đầu tư chứng khoán	12.594.471.240	48.775.402.195
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	47.761.394.214	52.278.070.500
Cộng	131.151.410.123	196.184.072.293
5. Chi phí bán hàng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.984.762.956	1.938.260.718
Chi phí khác	1.366.659.516	1.822.697.867
Cộng	3.351.422.472	3.760.958.585
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	26.600.890.367	21.565.611.032
Chi phí khấu hao tài sản	4.972.094.546	6.257.615.852
Chi phí dự phòng	11.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.516.093.555	11.822.687.488
Chi phí khác	10.112.502.721	9.150.807.087
Cộng	66.201.581.189	48.796.721.459
7. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	131.202.315.336	27.647.283.635
Các khoản thu nhập khác	5.269.719.030	4.414.385.423
Cộng	136.472.034.366	32.061.669.058

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	91.098.410.792	11.226.556.481
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	12.879.413.877	-
Các khoản chi phí khác	5.053.930.210	537.395.346
Cộng	109.031.754.879	11.763.951.827

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312.110.367.430	370.659.613.833
Chi phí nhân công	64.022.357.319	56.208.080.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.076.502.047	73.732.081.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520.193.507.340	552.964.835.640
Chi phí khác	28.657.279.028	30.540.629.632
Cộng	995.060.013.164	1.084.105.241.258

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 22 tháng 10 năm 2012, Công ty Cổ phần Sư Tử Chúa (Công ty Cổ phần Gemadept sở hữu 55% vốn điều lệ) nhận được thông báo giải thể do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp. Công ty Cổ phần Sư Tử Chúa kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng cà phê. Do hoạt động không hiệu quả nên các cổ đông nhất trí giải thể.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước tại Công ty
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Gemadept	
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần Sư Tử Chua	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Cho mượn tiền	-	3.500.000.000
Doanh thu dịch vụ	420.224.363	993.018.208
Chi phí dịch vụ	47.000.000	1.756.550.255
Góp vốn đầu tư	2.880.000.000	
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Lãi góp vốn liên doanh	2.494.000.000	13.000.000.000
Thu các khoản nợ phải thu khác	18.946.000.000	
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	1.497.422.183	2.814.356.605
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản chi hộ phải thu	5.092.939.265	12.924.021.263
Chi phí dịch vụ	52.217.570.151	80.770.819.704
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	10.786.805.359	9.024.762.741
Chia lợi nhuận	16.720.000.000	
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội</i>		
Vay ngắn hạn	-	7.000.000.000
Lãi vay	543.476.851	
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho mượn tiền	110.230.000.000	176.600.000.000
Nhận tiền chuyển trả về	20.900.000.000	
Cho thuê tài sản, thanh lý tài sản cố định	24.319.731.636	24.300.000.000
Doanh thu dịch vụ	35.119.731.636	39.866.478.598
Chi phí dịch vụ	60.407.436.815	70.655.277.424
Mượn tiền	-	11.500.000.000
Phải trả khác	2.862.106.326	7.165.164.842
Thu hộ phải trả	-	30.665.120
Ứng trước tiền thuê tài sản	21.510.419.416	20.000.000.000
Chi hộ	55.118.205	90.103.915
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Lợi nhuận được chia	20.000.000.000	-
Chi hộ	3.072.439.181	1.617.580.936
Cho mượn tiền	136.060.000.000	32.300.000.000
Doanh thu vận tải	10.568.110.031	4.763.093.216
Chi phí dịch vụ	1.506.919.636	660.590.390
Các khoản thu hộ phải trả	2.675.598.354	1.059.223.224
Các khoản phải trả khác	-	23.300.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Cho vay	-	500.000.000
Trả nợ vay	23.000.000.000	
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Chi hộ	18.611.752.693	8.287.421.432
Doanh thu dịch vụ	7.791.774.922	6.969.665.284
Cho mượn tiền	15.000.000.000	-
Chi phí vận tải, bốc xếp, hoa hồng đại lý	51.348.902.013	52.963.909.527
Mượn tiền	-	41.700.000.000
Thu hộ phải trả	14.554.421.706	2.801.126.825
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê	-	4.800.000.000
Cho mượn tiền	6.000.000.000	6.800.000.000
Mượn tiền	-	53.000.000.000
Nhận tiền chuyển trả về	14.986.271.512	
Nhận tiền cổ tức	11.278.561.049	
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Lợi nhuận được chia	67.656.560.732	51.577.539.263
Doanh thu dịch vụ	3.600.000.000	-
Chi phí dịch vụ	1.964.423.382	923.619.867
Phải trả khác	-	-
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Chia lợi nhuận	2.200.000.000	
Góp vốn	-	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu hộ phải trả	-	7.464.586.101
Chi hộ phải thu	87.243.500	1.979.530.114
Trả tiền mượn	200.000.000	5.000.000.000
Mượn tiền	2.000.000.000	5.000.000.000
Doanh thu		1.291.800.679
Chi phí		190.513.780
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa		
Doanh thu		153.062.121
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn đầu tư	43.655.000.000	
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương		
Góp vốn đầu tư	301.331.078.630	
Công ty TNHH ISS - Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	23.672.964	-
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín		
Chi hộ	995.214.869	
Công ty PO Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	1.090.914.849	-
Chi phí dịch vụ	6.340.460	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Góp vốn đầu tư	105.000.000.000	-
Cho mượn tiền	8.000.000.000	-
Trả tiền mượn	8.000.000.000	
Phải thu khác	5.000.000.000	
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	1.164.080.476	1.150.880.373
Phí giao nhận, bốc xếp phải trả	-	361.399.789
Nhận cổ tức		1.879.650.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam		
Phải thu khác	155.572.327	
Thanh toán tiền vay		1.300.000.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		
Chi phí	421.588.019	332.385.230
Chia lợi nhuận	2.349.190.000	
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.128.694.380	2.885.601.890
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	-	576.410.476
Chi phí dịch vụ	284.492.338	183.786.309
Công ty cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu		
Chuyển lợi nhuận	1.735.560.000	
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	5.237.890.537	7.323.797.888

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí cung cấp dịch vụ	112.421.831	615.638.425
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải thu khách hàng	-	-
Cho mượn tiền	55.900.000.000	55.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Cho mượn tiền	-	18.946.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Phải thu khách hàng	11.082.131.744	14.529.514.789
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Phải thu khách hàng	187.662.086.038	188.367.880.989
Ký quỹ dài hạn	41.220.000.000	41.656.000.000
Lợi nhuận được chia	20.094.165.077	36.449.000.000
Các khoản chi hộ	31.704.595.317	20.255.821.307
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải thu khách hàng	21.704.800	-
Ứng trước tiền dịch vụ	-	62.298.411.025
Các khoản cho mượn, chi hộ	189.040.431.818	112.195.967.663
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải thu khách hàng	1.595.275.194	3.552.956.573
Các khoản chi hộ	8.166.623	74.955.000
Lợi nhuận được chia	30.000.000.000	20.000.000.000
Cho mượn tiền	28.100.000.000	16.000.000.000
Phải thu khác	103.441.866.147	-
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải thu khách hàng	9.470.018.465	13.289.984.972
Các khoản chi hộ	1.828.509.968	1.156.734.311
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ		
Ứng trước tiền dịch vụ	-	20.000.000
Phải thu khác	-	8.986.272.000
Lợi nhuận được chia	-	11.278.561.049
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa		
Phải thu khách hàng	1.277.515.915	2.597.515.915
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải		
Phải thu khách hàng	2.937.122.398	2.209.072.250
Lợi nhuận được chia	47.234.099.995	23.077.539.263
Phải thu khác	21.441.663.014	-
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương		
Phải thu khách hàng	-	453.181.055
Phải thu khác	4.393.000	164.574.500
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác	973.407.076	135.771.373
<i>PO Shipping</i>		
Phải thu khách hàng	1.548.028.408	
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	97.266.500	2.500.000
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	213.587.914.987	244.055.334.635
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Cho vay ngắn hạn	-	4.207.200.000
Phải thu khách hàng	-	4.861.653
Phải thu khác	534.143.500	534.143.500
<i>Công ty MBN-GMD Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	3.688.740	
<i>Cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu khác	5.000.000.000	
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải thu khách hàng	7.273.042	-
<i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	685.320.731	606.054.581
Cộng nợ phải thu	1.006.800.788.497	903.305.808.403
 <i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Phải trả người bán	3.215.086	3.031.584
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	1.034.466.807
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Các khoản phải trả khác	929.869.279	929.869.279
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	-	69.730.697.870
Phải trả khác	43.205.294.539	29.391.132.918
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải trả phí dịch vụ	4.763.634.648	819.512.573
Phải trả khác	1.181.168.070	15.157.572.116
Nhận ứng trước	23.910.419.416	19.000.419.416
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải trả người bán	149.830.500	60.455.908
Phải trả khác	246.367.617	64.050.834
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội</i>		
Vay ngắn hạn	5.750.000.000	5.750.000.000
Phải trả khác	700.000.000	
Phải trả lãi	527.402.778	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải trả phí dịch vụ	-	216.969.079
Phải trả người bán	748.262.322	-
Các khoản mượn tiền, thu hộ phải trả	20.811.560.963	34.701.883.766
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Mượn tiền	10.227.370.790	33.227.370.790
PO Shipping		
Phải trả khác	326.378.773	
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải trả phí dịch vụ	117.250.150	338.119.840
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương		
Mượn tiền	4.800.000.000	1.000.000.000
Phải trả dịch vụ	420.000	420.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		
Phải trả nhà cung cấp	5.867.010	
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Mượn tiền	120.853.141.332	120.853.141.332
Vay ngắn hạn	98.101.451.182	-
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn		
Phải trả người bán	1.001.000	-
Cộng nợ phải trả	347.653.071.850	342.572.280.507

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2012



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc